

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TUYỂN CHỌN GIỐNG ĐỊA LAN KIẾM HOÀNG VŨ (*Cymbidium sinense*) CHO CÁC TỈNH PHÍA BẮC

Đặng Văn Đông¹, Chu Thị Ngọc Mỹ¹,
Đinh Thị Dinh¹, Phạm Thị Hồng Hạnh¹

TÓM TẮT

Từ kết quả đánh giá tập đoàn địa lan Kiếm bản địa (*Cymbidium sinense*) tại Viện Nghiên cứu Rau quả năm 2010 đã lựa chọn được giống địa lan kiếm Hoàng Vũ có nhiều ưu điểm vượt trội như cây sinh trưởng, phát triển tốt với đặc điểm lá vắn vò dỏ, màu lục sáng, đường kính hoa to đạt 4,15 cm, màu vàng, số ngồng hoa trên chậu đạt 1,6 ngồng ở cây 4 năm tuổi. Đặc biệt giống địa lan kiếm Hoàng Vũ còn được người chơi lan đánh giá cao nhất trong các giống nghiên cứu và đạt 8,9 điểm. Vì vậy, đã tiếp tục đưa giống địa lan kiếm Hoàng Vũ vào khảo nghiệm cơ bản, khảo nghiệm sản xuất ở một số địa phương như Gia Lâm - Hà Nội, Mộc Châu - Sơn La, Uông Bí - Quảng Ninh, Văn Giang - Hưng Yên. Kết quả đều cho thấy giống địa lan kiếm Hoàng Vũ có tính ổn định cao rất có triển vọng để phát triển ngoài sản xuất.

Từ khóa: Địa Lan kiếm, kiếm Mặc lan, Hoàng Vũ, Mặc Biên, khảo nghiệm, tuyển chọn.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Địa Lan Kiếm (*Cymbidium*) được mệnh danh là Nữ hoàng của các loài lan. Lan Kiếm có vẻ đẹp kiều sa, dáng lá thanh thoát, kiêu hoa thanh nhã mà quý phái, mùi thơm dịu dàng, lan toả (Trần Duy Quý, 2005) [4]. Vì vậy, chúng có giá trị thẩm mỹ và kinh tế rất cao đặc biệt là đối với một số giống địa lan Kiếm ra hoa vào dịp Tết Nguyên Đán. Hiện nay, ở Việt Nam đã xác định được 24 loài lan Kiếm với nhiều dạng biến chủng tạo nên sự đa dạng về giống với nhiều đặc tính quý (Leonid V. A. & Anna L. A., 2003) [5]. Để phát triển được các loài lan quý này thì công tác tuyển chọn giống là hết sức cần thiết nhằm phát triển bền vững các loài lan này ở những vùng sinh thái thích hợp. Từ tập đoàn các giống lan Kiếm của nhiệm vụ: Khai thác và phát triển nguồn gen lan Kiếm (*Cymbidium sinense*) đã tiến hành: "Nghiên cứu tuyển chọn và khảo nghiệm giống lan kiếm Hoàng Vũ (*Cymbidium sinense*) cho các tỉnh phía Bắc".

2. NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP

2.1. Vật liệu

- Gồm 5 giống lan Kiếm bản địa (*Cymbidium sinense*): Trần Mộng, Hoàng Vũ, Thanh Ngọc, Cẩm Tố và Mặc Biên; cây 3 năm tuổi được thu thập từ các nhà vườn ở Hà Nội, Hưng Yên, Quảng Ninh.

2.2. Nội dung

- Nghiên cứu, đánh giá đặc điểm hình thái, khả năng sinh trưởng, phát triển, năng suất chất lượng hoa của các giống địa lan Kiếm nghiên cứu.

- So sánh, đánh giá tình hình sinh trưởng, phát triển, năng suất chất lượng hoa của giống triển vọng với giống đối chứng - Kiếm Mặc Biên.

- Thử nghiệm giống triển vọng tại một số địa phương.

2.3. Phương pháp

2.3.1. Các bước tiến hành

- Năm 2010 thu thập được 5 giống địa lan Kiếm bản địa và đánh giá giống để chọn giống triển vọng. Thực hiện tại Viện Nghiên cứu Rau Quả - Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội.

- Năm 2011 thí nghiệm khảo nghiệm cơ bản giống địa lan Kiếm Hoàng Vũ. Thực hiện tại Viện Nghiên cứu Rau Quả - Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội.

- Năm 2012 khảo nghiệm sản xuất giống địa lan Kiếm Hoàng Vũ. Thực hiện tại Gia Lâm - Hà Nội, Văn Giang - Hưng Yên, Uông Bí - Quảng Ninh, Mộc Châu - Sơn La.

Các bước tiến hành dựa theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm VCU.

2.3.2. Phương pháp nghiên cứu thu thập và đánh giá nguồn vật liệu

- Phương pháp thu thập nguồn vật liệu địa lan Kiếm: Thu thập giống bản địa từ một số nhà vườn trồng lan, mỗi giống 50 chậu về lưu giữ và đánh giá tại Viện Nghiên cứu Rau Quả.

- Phương pháp mô tả nguồn vật liệu: Mô tả đặc điểm thực vật học các giống theo bảng mô tả của Trung tâm Tài nguyên Di truyền thực vật.

- Phương pháp đánh giá nguồn vật liệu: Đánh

¹Viện Nghiên cứu Rau quả

giá giống theo phương pháp tập đoàn. Mỗi giống theo dõi 30 cây.

- Phương pháp bố trí thí nghiệm: thí nghiệm được bố trí theo phương pháp tuần tự, không nhắc lại.

Các kỹ thuật chăm sóc cây lan Kiềm áp dụng theo quy trình tạm thời của Viện Nghiên cứu Rau quả.

2.3.3. Phương pháp khảo nghiệm cơ bản

- So sánh đặc điểm sinh trưởng, phát triển của giống địa lan Kiềm Hoàng Vũ với giống đối chứng là lan Kiềm Mặc Biên.

- Thí nghiệm khảo nghiệm cơ bản được bố trí theo phương pháp tuần tự, quy mô mỗi giống 15 m² tương ứng với 105 chậu.

Tiêu chuẩn cây giống đưa vào khảo nghiệm cơ bản là cây *in vitro*, 2 năm tuổi, có 5 nhánh/chậu. Cây sinh trưởng, phát triển tốt, không bị sâu bệnh hại.

2.3.4. Phương pháp khảo nghiệm sản xuất

Các thí nghiệm khảo nghiệm sản xuất được bố trí theo phương pháp tuần tự không nhắc lại, mỗi giống 500 chậu, cây giống đưa vào khảo nghiệm

là cây 2 năm tuổi, có 5 nhánh/chậu. Cây sinh trưởng, phát triển tốt, không bị sâu bệnh hại.

- Phương pháp theo dõi sâu, bệnh hại chủ yếu: Theo dõi 4 loại bệnh và 2 loại sâu hại. Sâu hại: Rệp sáp (*Chrysomphalus ficus*), Ốc sên (*Theba pisana*), Bệnh đốm nâu (*Colletotrichum spp*), bệnh đốm vàng (*Cercospora sp.*), bệnh đốm vòng (*Colletotrichum* và *Glocosporum*), bệnh thối rễ (*Fusarium spp*).

- Phương pháp điều tra sâu bệnh hại theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây trồng (QCVN 01-38: 2010/BNNPTNT) [3].

- Số liệu được xử lý thống kê theo chương trình Excel.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả tuyển chọn giống

Năm 2010, nhóm nghiên cứu đã tiến hành thu thập được 5 giống địa lan Kiềm bản địa. Trong đó giống Mặc Biên là giống đối chứng đã được trồng từ lâu đời và rất phổ biến. Các giống này đều là cây 3 năm tuổi, có sức sinh trưởng tốt, được đưa vào đánh giá tại Viện Nghiên cứu Rau quả. Kết quả về đặc điểm hình thái và thời gian ra hoa của các giống được thể hiện qua bảng 1, 2, 3 và 4

Bảng 1. Đặc điểm hình thái thân của các giống địa lan Kiềm

Chi tiêu Giống	Số nhánh (nhánh /chậu)	Hình dạng củ giả	Kích thước củ giả (cm)	Màu sắc củ giả
Trần Mộng	5,8	Gần tròn	2,48 x 2,81	Xanh
Hoàng Vũ	5,5	Bầu dục	2,11 x 2,80	Xanh hanh vàng
Thanh Ngọc	4,8	Bầu dục	1,87 x 2,65	Xanh
Cầm Tố	5,0	Gần tròn	2,25 x 2,64	Xanh đậm
Mặc Biên-Đ/c	5,2	Gần tròn	1,54 x 1,76	Xanh đậm

Mỗi giống lan Kiềm có đặc điểm hình thái thân đặc trưng riêng, hình dạng củ giả gần tròn như giống Trần Mộng, Cầm Tố và Mặc Biên. Tuy nhiên kích thước củ giả thì có sự khác nhau giống Trần Mộng có kích thước lớn đạt 2,48x2,81 cm, Cầm Tố đạt 2,25x2,64 cm và Mặc Biên nhỏ nhất đạt 1,54x1,76 cm. Trong khi đó, hình dạng củ của

giống Hoàng Vũ và Thanh Ngọc là bầu dục và kích thước củ đạt lần lượt là 2,11x2,80 cm và 1,87x2,65 cm. Về màu sắc củ giả thì các giống đều có màu từ xanh đến xanh đậm, riêng Hoàng Vũ có màu xanh hanh vàng.

Đánh giá đặc điểm hình thái lá của các giống lan kiềm, thu được kết quả ở bảng 2:

Bảng 2. Đặc điểm hình thái lá của các giống lan Kiềm

Chi tiêu Giống	Số lá/ nhánh (lá)	Chiều dài lá (cm)	Chiều rộng lá (cm)	Độ dày lá	Hình dạng lá	Dáng lá	Mép lá	Màu sắc lá
Trần Mộng	4,6	65,2	3,2	Mỏng	Thuôn hình kiềm	1/3 đầu lá cong xuống	Nhẵn	Xanh lục

Hoàng Vũ	6,5	57,6	3,1	Dày	Thuôn hình kiếm rộng	Vặn vò đố, 1/2 chiều dài lá cong xuống	Nhẵn	Xanh lục sáng
Thanh Ngọc	6,3	62,8	1,9	Dày	Thuôn hình kiếm hẹp	Xiên đứng, lá già hơi cong xuống	Răng cưa mịn	Xanh
Cầm Tố	5,8	55,7	3,0	Dày	Thuôn hình kiếm rộng	1/3 đầu lá cong xuống	Nhẵn	Xanh đậm
Mặc Biên-Đ/c	3,6	51,4	2,9	Dày	Thuôn hình kiếm rộng	Vặn vò đố, lá đứng	Đầu mép lá có viền vàng nhạt	Xanh đậm

Kết quả ở bảng 2 cho thấy giống lan Kiếm Trần Mộng có kích thước lá lớn nhất đạt 65,2 x 3,2 cm, có 4,6 lá/nhánh, 1/3 lá cong xuống, mép lá nhẵn, nhưng độ dày của lá thì mỏng. Với giống Hoàng Vũ có 6,5 lá/nhánh, lá có hình dạng thuôn hình kiếm rộng, đầu lá vặn vò đố, 1/2 lá cong xuống, lá rất dày và có màu lục sáng. Giống lan Kiếm Mặc Biên cũng có đặc điểm lá tương tự như giống Hoàng Vũ, tuy nhiên Kiếm Mặc Biên chỉ có 3,6 lá/nhánh, kích thước lá nhỏ hơn Hoàng Vũ, đầu lá vặn vò đố, lá đứng. Đầu mép lá có viền màu vàng nhạt. Lá màu xanh đậm. Giống lan

Kiếm Thanh Ngọc lá có dạng thuôn hình kiếm hẹp với chiều rộng của lá chỉ đạt 1,9 cm. Có 6,3 lá/nhánh, lá dày, xiên đứng, lá già hơi cong xuống, mép lá có răng cưa mịn. Còn giống lan Kiếm Cầm Tố có hình dạng lá thuôn hình kiếm rộng, dày, 1/3 lá cong xuống, mép lá nhẵn và có màu xanh đậm.

Đặc điểm hoa là một trong những yếu tố quan trọng nhất quyết định giá trị thẩm mỹ, giá trị kinh tế của một giống hoa lan Kiếm. Kết quả đánh giá về đặc điểm hoa của các giống lan Kiếm được trình bày ở bảng 3:

Bảng 3. Đặc điểm về hoa của các giống địa lan Kiếm

Chi tiêu Giống	Số ngõng hoa/ chậu	CD ngõng hoa (cm)	ĐK ngõng hoa (cm)	Màu sắc ngõng hoa	Số hoa/ cành (hoa)	ĐK hoa (cm)	Màu sắc cánh hoa	Màu sắc cánh môi	Màu sắc cánh đài	Đặc điểm cánh đài
Trần Mộng	1,3± 0,08	60,2± 4,82	0,58± 0,020	Tím	13,7± 1,10	4,36± 0,13	Hồng cánh gián	Đỏm lớn hồng cánh gián	Hồng cánh gián	Uốn cong ra sau
Hoàng Vũ	1,6± 0,09	58,8± 4,12	0,48± 0,019	Xanh	10,4± 0,94	4,15± 0,13	Vàng	Vàng	Vàng	Uốn cong ra sau
Thanh Ngọc	1,2± 0,08	51,2± 4,60	0,40± 0,015	Xanh	10,8± 0,96	3,98± 0,14	Xanh ngọc	Xanh ngọc	Xanh ngọc	Hơi cong ra sau
Cầm Tố	1,2± 0,08	65,2± 5,22	0,44± 0,016	Xanh	11,5± 1,01	4,10± 0,12	Xanh	Xanh	Xanh	Thẳng
Mặc Biên-Đ/c	1,4± 0,09	50,5± 4,10	0,45± 0,018	Tím	11,2± 1,01	4,02± 0,12	Nâu sẫm	Vàng nhạt, đốm nâu sẫm	Nâu sẫm	Hơi cong ra sau

Kết quả ở bảng 3 cho thấy: Giống lan Kiếm Trần Mộng có đường kính hoa lớn nhất đạt 4,36±0,13 cm, số hoa/cành cao nhất là 13,7±1,1 cm. Hoa màu hồng cánh gián và đặc điểm cánh

đài uốn cong ra sau. Giống lan Kiếm Thanh Ngọc có đường kính hoa nhỏ nhất đạt 3,98±0,14 cm, hoa có màu xanh ngọc và cánh đài cũng hơi cong ra sau. Giống lan Kiếm Cầm Tố có đường kính

